

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/4/2021

“V/v ly hôn và nuôi con chung
giữa chị S và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành.

2. Ông Huỳnh Kim Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị Thảo S, sinh năm: 1995 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quốc T, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp X, xã L1, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/01/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Cao Thị Thảo S trình bày:* Chị S và anh T tổ chức đám cưới vào ngày 03/12/2017 và đăng ký kết hôn ngày 05/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L1. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 8/2019 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là chồng không chăm lo cuộc sống cho vợ con. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung Trần Ngọc Phương V, sinh ngày 06/3/2019, hiện con đang sống với chị S, chị S yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Đối với bị đơn anh Trần Quốc T:* Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn

phiên tòa nhưng anh T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Cao Thị Thảo S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc T. Anh T là bị đơn hiện đang cư trú tại xã L1, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C. Bị đơn anh Trần Quốc T được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Theo trình bày của chị Cao Thị Thảo S thì quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không chăm lo cuộc sống cho vợ con. Vợ chồng ly thân từ ngày 25/8/2019 đến nay. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh T. Đối với anh T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập anh T tham gia giải quyết vụ án để vợ chồng có điều kiện hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng anh T không tham gia cũng như không có văn bản trình bày ý kiến. Điều này thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn. Do đó, chị S yêu cầu ly hôn là có cơ sở để chấp nhận theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Ngọc Phương V, sinh ngày 06/3/2019, hiện đang sống chung với chị S, chị S yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Trần Ngọc Phương V đang sống chung với chị S cuộc sống đã ổn định nên cần chấp nhận yêu cầu của chị S được tiếp tục nuôi con. Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Sau này nếu có yêu cầu sẽ được xem xét bằng vụ án khác.

[2.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị S trình bày không có, anh T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Cao Thị Thảo S phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Cao Thị Thảo S đối với bị đơn anh Trần Quốc T.

Về hôn nhân: Chị Cao Thị Thảo S được ly hôn với anh Trần Quốc T.

Về nuôi con chung: Chị Cao Thị Thảo S được quyền tiếp tục nuôi cháu Trần Ngọc Phương V, sinh ngày 06/3/2019. Anh Trần Quốc T không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của chị S và anh T, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em và Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc tiền cấp dưỡng nuôi con.

[2] Về án phí: Chị Cao Thị Thảo S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0009408 ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị S đã nộp đủ.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VK SND huyện C;
- THA huyện C;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hữu Lộc